



Chất lượng tạo nên thương hiệu

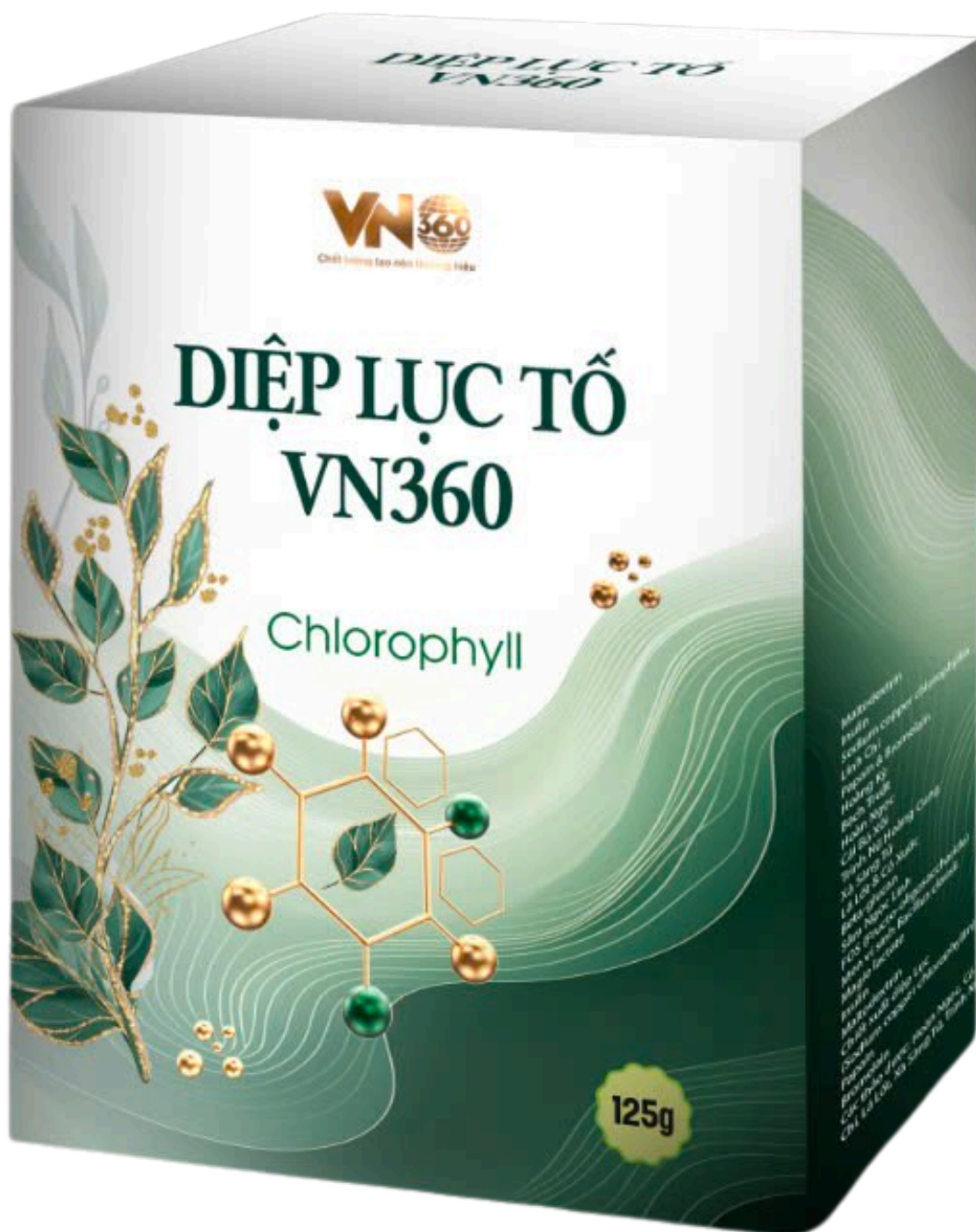
DIỆP LỤC TỔ VN360



Hottline: 0932.422.599 - 0888.115.122

www.vn360.vn

ĐIỂM VƯỢT TRỘI DIỆP LỤC TỔ VN360



CHIẾT XUẤT DIỆP LỤC TỔ

- Dẫn xuất từ diệp lục tự nhiên, thay ion Mg^{2+} bằng Cu^{2+} nên tăng ổn định, hấp thu tốt.
- Hoạt động như chất giải độc sinh học
- Chống oxy hóa mạnh, bảo vệ DNA, ổn định màng tế bào, hỗ trợ gan và miễn dịch.



CHẤT XƠ HOÀ TAN INLUNIN/ FOS

- Không tiêu hóa ở ruột non, lên men tại ruột già tạo Acid béo chuỗi ngắn SCFA
- SCFA giảm pH nên tăng hấp thu khoáng
- Ổn định hệ vi sinh, tăng lợi khuẩn, giảm vi khuẩn có hại.



CHIẾT XUẤT LỢI KHUẨN

- Tác động lên miễn dịch niêm mạc qua TLRs, tăng IgA.
- Cạnh tranh vi khuẩn có hại, tăng tiết mucin, defensins.
- Ổn định hệ vi sinh, tăng Lactobacillus, Bifidobacterium.



TỔ HỢP ENZYM TIÊU HOÁ

Tăng hiệu quả tiêu hóa tại ruột non:

- Amylase: phân giải tinh bột.
- Protease: phân cắt protein.
- Lipase: tiêu mỡ.
- Cellulase: tiêu hóa chất xơ không tan.
- Lactase: giúp người dung nạp lactose.

Giảm gánh nặng tụy, hỗ trợ người thiếu enzyme nội sinh.

I. SODIUM COOPER CHLOROPHYLLIN (SCC)



Richard Willstätter

Nobel năm 1915 với
nghiên cứu cấu trúc
chlorophyll



Han Fischer

Nobel Hóa học 1930 cho
nghiên cứu cấu trúc hóa
học Hem và chlorophyll

Sodium Copper Chlorophyllin

Trong vòng 100 năm (Từ năm 1912 đến 2012) trên thế giới đã có 1.033 công trình nghiên cứu về Chlorophyll được thống kê.

Nghiên cứu về diệt lục đạt giải Nobel

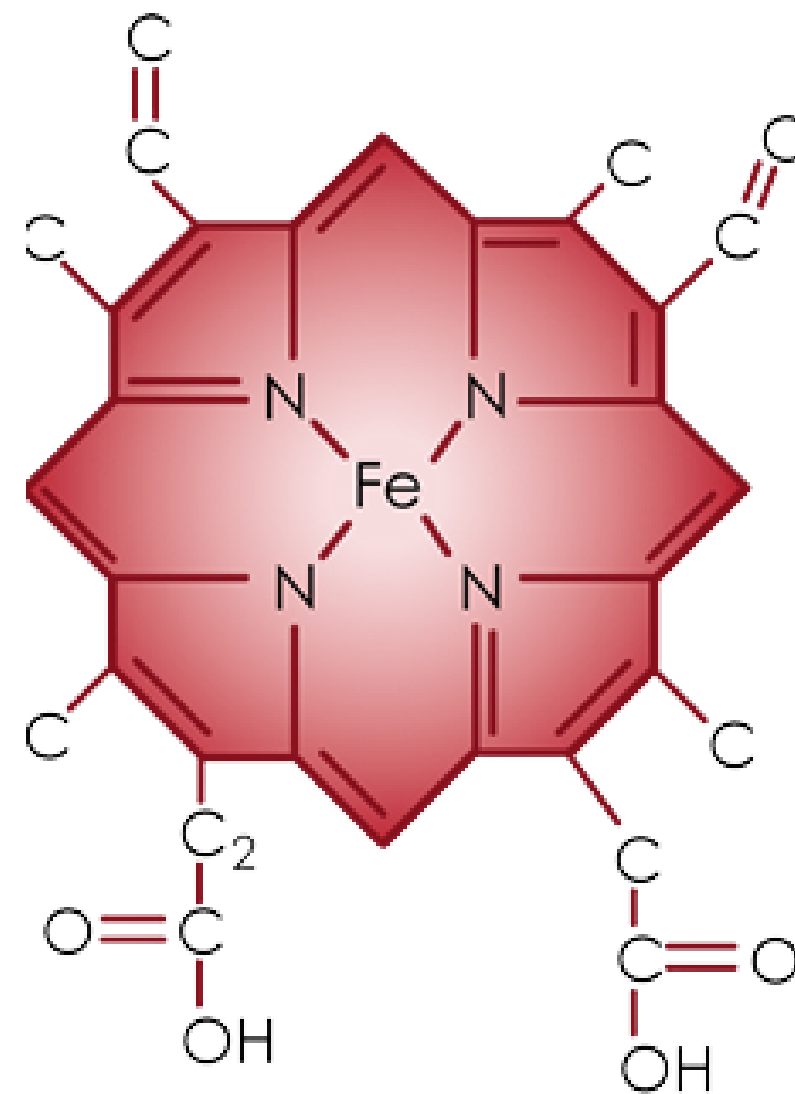
- Chlorophyll giúp tăng cường Hồng cầu - Giải Nobel của GS Rich Willstatter (năm 1915).
- Chlorophyll giúp thải lọc độc tố khỏi cơ thể - Giải Nobel của GS Hans Fischer (năm 1930).
- Làm sạch cơ thể và có thể làm các tế bào duy trì lâu hơn - Giải Nobel của TS Alexig Carrel (năm 1912).

Nghiên cứu phòng ngừa ung thư của Diệt lục

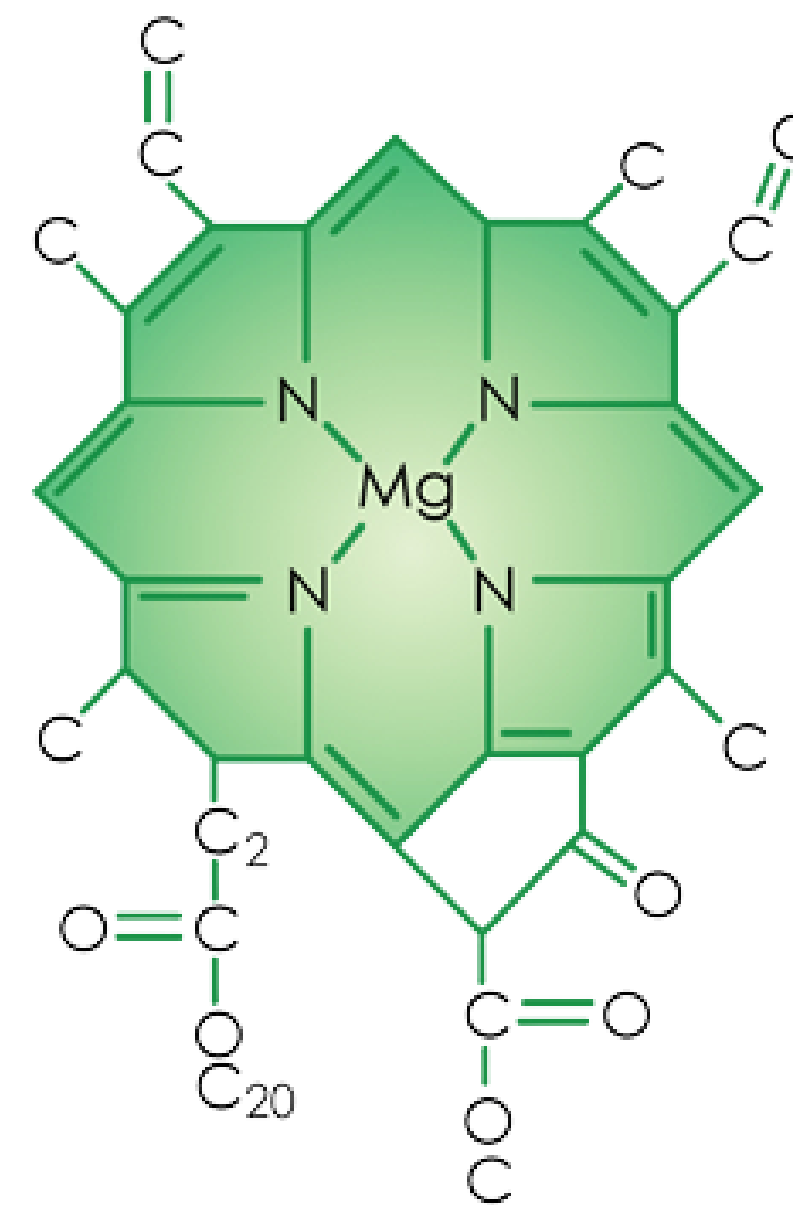
- Hafatsu và Hykoya và cộng sự (1999): Chlorophyll tương tác với các amin dị vòng phòng ngừa sự đột biến tế bào gây ung thư.
- Smith WA và cộng sự: Chlorophyll ức chế > 65% sự đột biến AND do các chất gây ung thư vú.
- Egner PA. và cộng sự: Chlorophyll liên kết với Aflatoxin với liều 100mg x 2 lần, trong 4 tháng đã làm giảm 55% ung thư gan.
- Tổng hợp các công trình nghiên cứu cho thấy Chlorophyll có tác dụng bảo vệ trước 50 tác nhân gây K là các hóa chất, độc tố nấm mốc.

1. CẤU TRÚC

1.1 Chlorophyllin



Human Blood
Hemoglobin

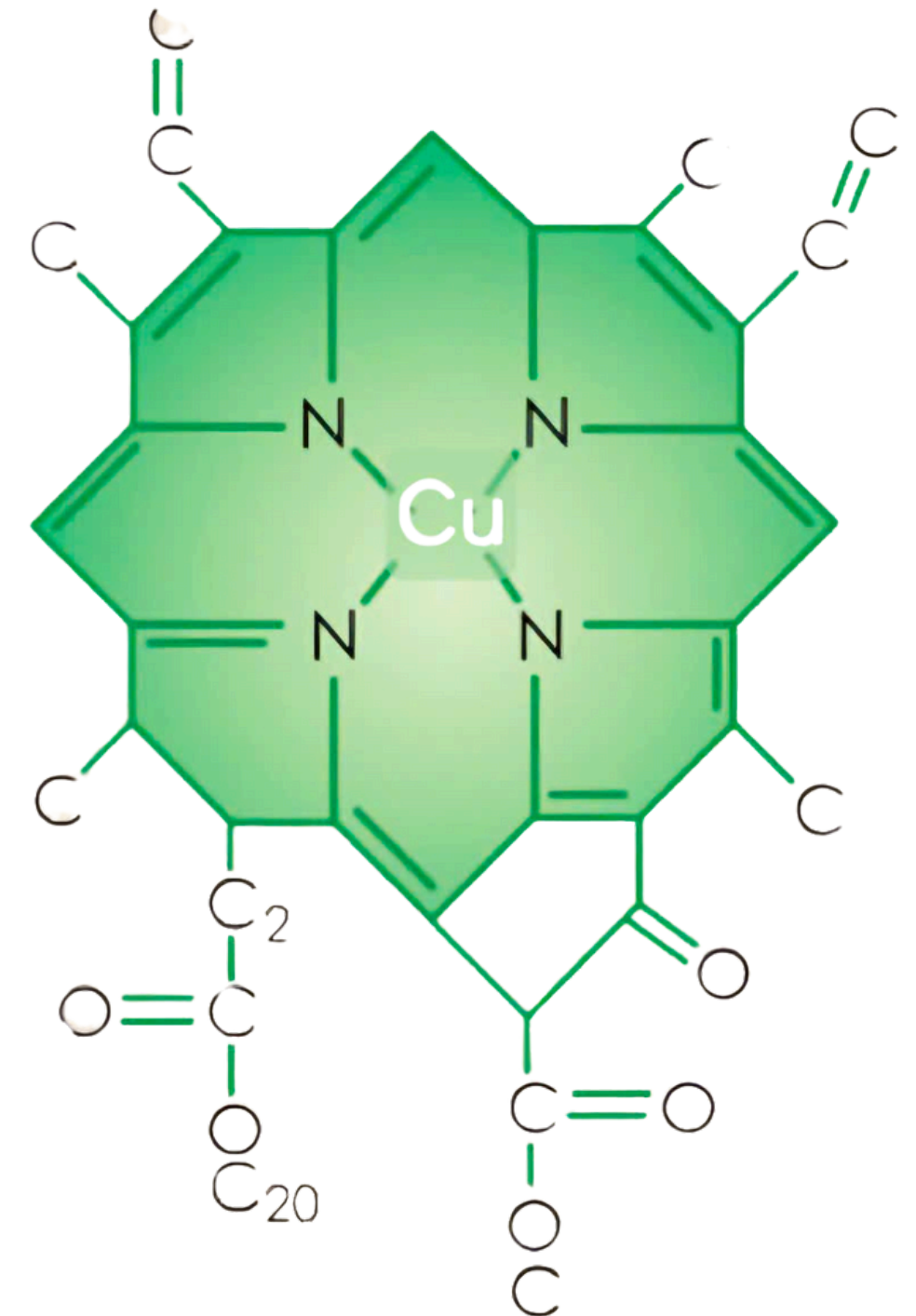


Plant Chlorophyll

1. CẤU TRÚC

1.2 Sodium Copper Chlorophyllin

- Không có tác dụng phụ với cơ thể
- Nhờ cấu trúc tương tự với hemoglobin, SCC có thể tương tác với nhiều hệ thống sinh học trong cơ thể.



2. CƠ CHẾ SINH HỌC





2.1 Khử gốc tự do & chống oxy hóa mạnh mẽ:

Gốc tự do ROS và RNS là hai nhóm phân tử có tính oxy hóa cao có thể gây tổn thương tế bào nếu không được kiểm soát. Đây là khái niệm rất quan trọng trong y học, sinh học phân tử và nghiên cứu về lão hóa, ung thư, viêm, và nhiều bệnh lý khác.

- **Tác hại của gốc tự do ROS và RNS**

- Oxy hóa lipid → Dẫn đến tổn thương màng tế bào.
- Biến tính protein → Làm sai lệch cấu trúc và chức năng protein.
- Tổn thương DNA → Gây đột biến, làm rối loạn phân chia tế bào, ung thư.
- Gây viêm và kích hoạt tín hiệu chết tế bào (apoptosis) → Liên quan đến nhiều bệnh như Alzheimer, Parkinson, ung thư, tiểu đường.

👉 **Cơ chế:**

- Vòng porphyrin và nguyên tử Cu đóng vai trò bắt giữ và trung hòa gốc tự do (ROS, RNS).
- SCC đặc biệt hiệu quả với gốc hydroxyl ($\bullet\text{OH}$), gốc superoxide ($\text{O}_2\bullet^-$), nhờ khả năng đóng vai trò như một “bẫy electron”.



2.2 Tạo liên kết với độc tố & kim loại nặng

Kim loại nặng và độc tố phân tử nhỏ là những yếu tố nguy hiểm trong môi trường và thực phẩm dễ tích lũy trong cơ thể và gây hại nghiêm trọng đến gan, thận, hệ thần kinh và hệ miễn dịch

- **Tác hại của kim loại nặng và độc tố**

- Chì, thủy ngân, cadimi: có thể gắn vào enzyme và tế bào gây tổn thương lâu dài cho thần kinh, thận và hệ miễn dịch.
- Aflatoxin B1, nitrosamine: độc tố sinh ra từ nấm mốc hoặc thức ăn chiên/nướng có thể tấn công gan và làm tăng nguy cơ ung thư.
- Amin dị vòng (HCAs): hình thành khi nướng/thịt cháy làm tăng nguy cơ ung thư ung thư đại trực tràng và dạ dày

☛ **Cơ chế:** SCC có cấu trúc gồm vòng porphyrin lớn và ion đồng (Cu^{2+}) nằm ở trung tâm – đây chính là phần quan trọng giúp SCC phát huy khả năng giải độc.

- Liên kết với kim loại nặng:

- Ion Cu^{2+} trong SCC có thể hút và giữ lại các kim loại độc hại như chì, thủy ngân, cadimi.
- Sau khi liên kết, các chất độc này sẽ tạo thành phức hợp tan được và bị đào thải ra khỏi cơ thể qua nước tiểu hoặc phân, không còn cơ hội tích tụ trong gan hay thận nữa.

- Hấp thụ độc tố phân tử nhỏ:

- Vòng porphyrin của SCC giống như một “miếng xốp sinh học” có thể hút các độc tố có cấu trúc vòng thơm như aflatoxin, nitrosamine, các amin độc trong thịt nướng...
- Những độc tố này sẽ bị “giữ chân” và không thể hấp thu vào máu hay gan → giúp giảm nguy cơ tổn thương tế bào, ung thư hoặc viêm mạn tính.



2.3 Tăng cường máu & tạo hồng cầu

Thiếu máu là tình trạng phổ biến ở người lớn tuổi, người ăn chay, phụ nữ sau sinh, người bệnh mạn tính...

Nguyên nhân thường do thiếu sắt, thiếu vitamin tạo máu, hoặc suy giảm chức năng tủy xương.

👉 **Cơ chế:** SCC – nhờ cấu trúc tương đồng với hemoglobin – có thể gián tiếp hỗ trợ quá trình tạo máu, giúp cải thiện tình trạng thiếu máu một cách tự nhiên.

- Cấu trúc gần giống hemoglobin – hỗ trợ sinh học tự nhiên
 - SCC có cấu trúc vòng porphyrin tương tự với hem (nhóm mang oxy trong máu).
 - Tuy nhiên, trong khi hem chứa ion sắt (Fe^{2+}) ở trung tâm thì SCC lại chứa ion đồng (Cu^{2+}).
- Kích thích quá trình tạo máu (hồng cầu) một cách gián tiếp: Đồng (Cu^{2+}) là nguyên tố vi lượng thiết yếu cho quá trình tạo hồng cầu:
 - Giúp hấp thụ sắt tốt hơn từ ruột non.
 - Hỗ trợ enzyme ferroxidase – giúp vận chuyển sắt đến tủy xương để tạo hồng cầu.
 - SCC với ion Cu dễ hấp thu - bổ sung đồng sinh học mà không gây tích tụ độc hại như các dạng đồng vô cơ.



2.4 Hỗ trợ làm lành mô và chống viêm

Viêm là phản ứng tự nhiên của cơ thể khi có tổn thương, nhiễm khuẩn hay căng thẳng oxy hóa. Tuy nhiên, nếu kéo dài, viêm trở thành "kẻ thù thầm lặng" liên quan đến viêm khớp, loét dạ dày, tiểu đường, lão hoá sớm, thậm chí ung thư.

👉 Cơ chế:

- Giảm stress oxy hóa - Gốc rễ của viêm
 - SCC trung hòa gốc tự do (ROS, RNS) nhờ vòng porphyrin và ion Cu^{2+} trung tâm → Giúp ngăn chặn quá trình oxy hóa màng tế bào, protein và DNA - những tác nhân kích hoạt phản ứng viêm.
- Ức chế enzyme gây viêm
 - Các nghiên cứu cho thấy SCC có khả năng ức chế enzyme COX-2 và lipxygenase - hai enzyme chính thúc đẩy tổng hợp các chất gây viêm mạnh → Nhờ đó, SCC hoạt động giống như một chất chống viêm tự nhiên, không gây tác dụng phụ như thuốc giảm đau chống viêm.
- Kích thích tái tạo mô tổn thương: SCC kích hoạt sản sinh tế bào mới tại vùng tổn thương thông qua:
 - Tăng sinh nguyên bào sợi (fibroblasts) - tế bào nền quan trọng để tái tạo mô.
 - Thúc đẩy tổng hợp collagen giúp làm lành vết thương nhanh hơn, giảm sẹo.
 - Đồng (Cu^{2+}) còn tham gia trực tiếp vào enzym lysyl oxidase hỗ trợ hình thành liên kết chéo bền vững trong collagen và elastin → giúp mô mới chắc khỏe, đàn hồi tốt.



2.5 Bảo vệ DNA & ngăn đột biến gen

DNA là bản thiết kế di truyền của mọi tế bào sống. Khi DNA bị hư hại hoặc đột biến, cơ thể có thể gặp hàng loạt hậu quả: từ rối loạn chức năng tế bào đến bệnh ung thư, lão hoá nhanh, rối loạn miễn dịch. SCC hoạt động như một lá chắn sinh học, giúp bảo vệ DNA khỏi tổn thương và giảm nguy cơ đột biến

👉 Cơ chế:

- Trung hòa gốc tự do - thủ phạm chính gây hại DNA
- Gốc tự do có thể xâm nhập vào trong nhân tế bào và làm hỏng cấu trúc DNA khiến tế bào bị lỗi hoặc biến đổi thành tế bào xấu → Cấu trúc đặc biệt của SCC gồm vòng porphyrin và nguyên tử đồng (Cu) có khả năng “bắt giữ” gốc tự do trước khi chúng kịp tấn công DNA → giúp bảo vệ bộ gen của tế bào.
- Giảm hại do kim loại nặng và chất độc
 - Kim loại nặng như chì, thủy ngân, cadimi... thường tạo ra phản ứng trong cơ thể gây ra gốc tự do rất mạnh.
 - SCC có khả năng liên kết với kim loại nặng, giúp ngăn chặn quá trình tạo gốc độc → giảm tổn thương cho DNA và các cơ quan như gan, thận.
- Chống lại chất gây đột biến (mutagen)
 - Trong thực phẩm chiên cháy, khói thuốc, môi trường ô nhiễm thường có nhiều chất gây đột biến tế bào.
 - SCC có thể ngăn không cho các chất độc này gắn vào DNA, đồng thời giảm tỷ lệ lỗi trong quá trình sao chép tế bào từ đó hạn chế nguy cơ ung thư.
- Hỗ trợ cơ thể tự sửa chữa DNA
- SCC còn có thể hỗ trợ hoạt động của enzyme sửa chữa DNA, giúp cơ thể “vá lại” những đoạn gen bị tổn thương → giúp tế bào hoạt động bình thường trở lại.

3. TÁC DỤNG CỦA BỘT DIỆP LỤC TRONG DIỆP LỤC TỔ VN360



3.1 Thải độc gan, lọc máu

- Hỗ trợ tái tạo và làm sạch hồng cầu, từ đó cải thiện chất lượng máu.
- Hỗ trợ gan trong quá trình giải độc, nhờ khả năng liên kết với độc tố và kim loại nặng, giúp gan “dễ thở” hơn khi phải xử lý các chất độc trong cơ thể.
- Giúp tăng cường trao đổi oxy và loại bỏ CO₂, hỗ trợ thải độc qua máu hiệu quả hơn
- Hỗ trợ người bị gan nhiễm mỡ, men gan cao, người dùng nhiều thuốc tây, người bị mụn, dị ứng, nóng trong, cơ thể tích tụ độc tố lâu ngày

3.2 Kháng viêm, kháng khuẩn – Làm sạch đường ruột & hỗ trợ hệ miễn dịch

- Diệp lục hoạt động như một chất sát trùng tự nhiên nhờ khả năng ức chế sự phát triển của vi khuẩn có hại.
- Có khả năng ức chế enzyme gây viêm (như COX-2), từ đó giảm tình trạng viêm mạn tính – nền tảng của nhiều bệnh như viêm khớp, viêm ruột, vảy nến, béo phì, tiểu đường.
- Diệp lục giúp ức chế vi khuẩn lên men thối trong đường ruột như Clostridia, E. coli độc hại – nguyên nhân gây đầy hơi, tiêu chảy, phân nặng mùi...
- Giúp ổn định hệ vi sinh đường ruột, từ đó hỗ trợ giảm viêm đại tràng, tăng hấp thu dinh dưỡng.
- Hỗ trợ người bị viêm mãn tính: viêm khớp, viêm ruột, viêm da, người có vấn đề tiêu hoá, táo bón, nhiễm khuẩn đường ruột.



3.3 Cân bằng pH – Chống lại môi trường axit hóa trong cơ thể

- Diệp lục có tính kiềm tự nhiên, giúp trung hòa axit dư thừa, từ đó:
 - Giảm viêm, vì môi trường axit thúc đẩy phản ứng viêm.
 - Ngăn ngừa mất canxi vì cơ thể sẽ rút canxi từ xương để trung hòa axit.
 - Tạo điều kiện cho vi khuẩn có lợi phát triển, hỗ trợ hệ miễn dịch và tiêu hóa.
- Hỗ trợ người ăn uống không cân bằng, nhiều thịt – ít rau.
- Hữu ích trong liệu trình giải độc, chống viêm, phòng lão hoá sớm.

3.4 Tăng cường miễn dịch – Kích thích tủy xương sản sinh bạch cầu

- Diệp lục đã được chứng minh có khả năng kích thích sản xuất bạch cầu – tế bào bảo vệ giúp cơ thể chống lại vi khuẩn, virus, nấm.
- Tăng cường hoạt động thực bào của bạch cầu, giúp chúng tiêu diệt mầm bệnh hiệu quả hơn.
- Một số nghiên cứu cũng cho thấy diệp lục có khả năng bảo vệ tế bào miễn dịch khỏi tổn thương oxy hóa, giúp duy trì hàng rào miễn dịch bền vững.
- Hỗ trợ người suy giảm miễn dịch, dễ nhiễm bệnh, hay cảm cúm.
- Phù hợp cho người sau hóa trị, xạ trị, hoặc bệnh mạn tính lâu ngày.



Chất lượng tạo nên thương hiệu

II. CHẤT XƠ HOÀ TAN

INULIN VÀ FOS





1. CẤU TRÚC INULIN VÀ FOS

1.1 Probiotics:

- Là những vi khuẩn sống trong đường tiêu hoá, chúng được mệnh danh là “vi khuẩn tốt bụng” bởi vì giúp cơ thể bảo vệ chống lại một số các vi khuẩn có hại, nấm và siêu vi. Khi probiotics được sử dụng (ăn hoặc uống) một cách thường xuyên với số lượng đầy đủ sẽ tạo ra những ảnh hưởng có lợi lên sức khỏe con người đặc biệt là hệ tiêu hoá. Chúng hiện diện trong yaourt (sữa chua), sữa, phó mát, dưa chua, kim chi, tương bần, cà pháo, các thứ mắm...

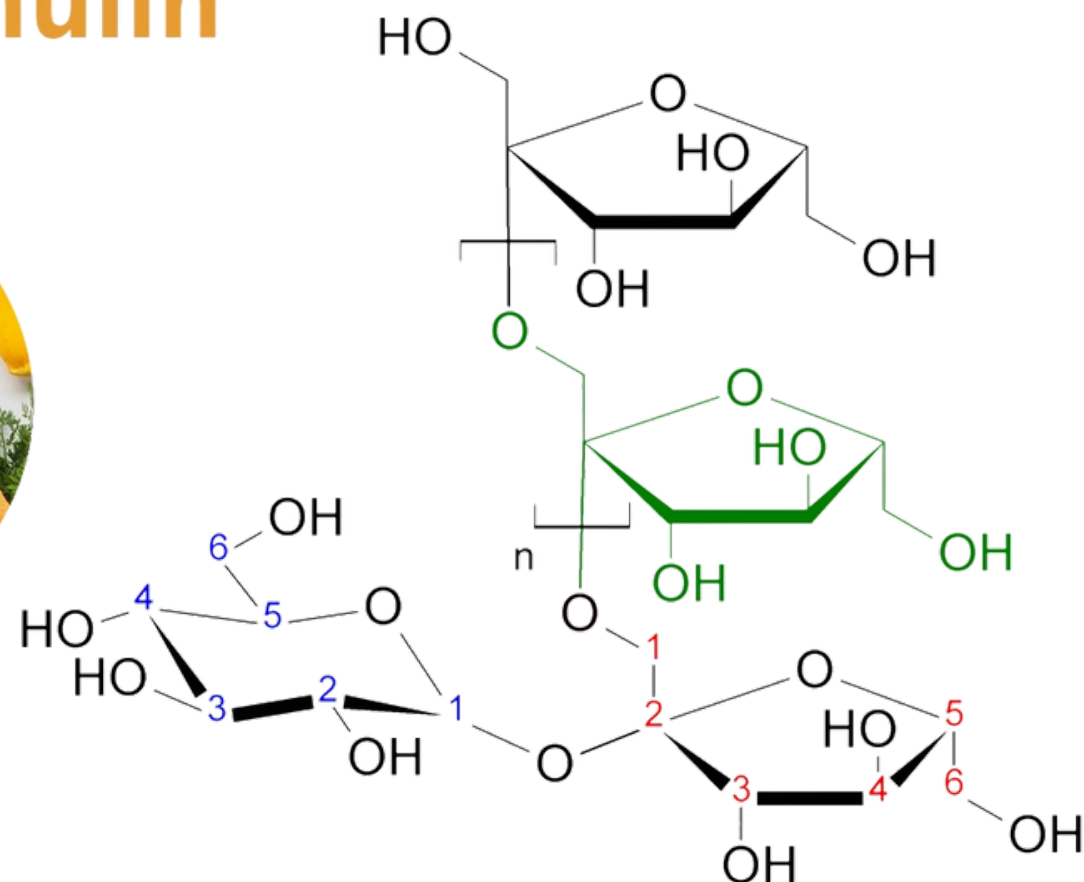
1.2 Prebiotics:

- Là một dạng thực phẩm tự bản thân không tiêu hóa được nhưng có ảnh hưởng tốt cho cơ thể con người bằng cách kích thích sự tăng trưởng của các vi khuẩn có lợi. Prebiotics được xem là thức ăn của những vi khuẩn sống có lợi cho sức khỏe. Nói cách khác, Prebiotics là nguồn thức ăn có chọn lọc của Probiotics giúp cho Probiotics ngày càng lớn mạnh trong hệ tiêu hóa và mang đến nhiều lợi ích cho sức khỏe của chúng ta.

Inulin

INULIN

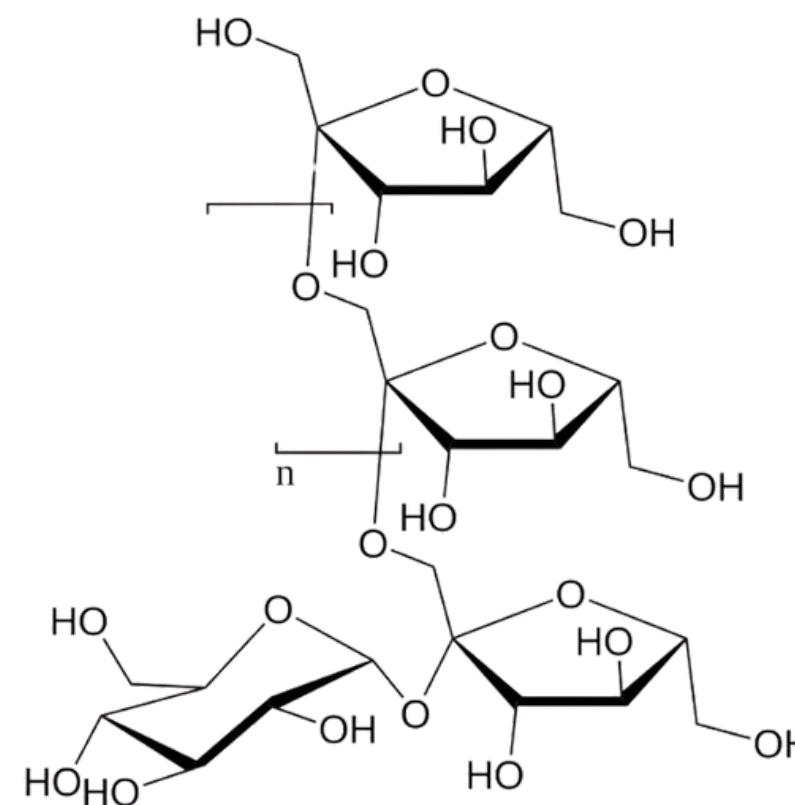
Chất xơ
hòa tan từ
thiên nhiên



1.3 Inulin

Inulin là một loại chất xơ hòa tan có nguồn gốc thực vật, thuộc nhóm fructan gồm từ 10–60 phân tử fructose liên kết với nhau. Nó không bị tiêu hóa ở dạ dày và ruột non mà đến ruột già và được lợi khuẩn lên men, nên được xem là prebiotic hỗ trợ sự phát triển của vi khuẩn có lợi trong hệ tiêu hóa.

FRUCTO OLIGOSACCHARIDE (FOS)



1.4 FOS (Fructooligosaccharides)

FOS (Fructooligosaccharides) là một loại chất xơ hòa tan thuộc nhóm prebiotic, gồm các chuỗi ngắn hơn, thường 3–10 phân tử fructose. Giống như inulin, FOS không bị tiêu hóa ở dạ dày và ruột non mà đến ruột già và được lợi khuẩn lên men, giúp nuôi dưỡng hệ vi sinh vật đường ruột.



2. TÁC DỤNG INULIN VÀ FOS

2.1 Không tiêu hóa ở ruột non

→ Trở thành "thức ăn" cho lợi khuẩn ở ruột già

Inulin và FOS là hai loại chất xơ hòa tan dạng fructan, không bị phân giải bởi enzyme tiêu hóa trong ruột non ➡ cả hai sẽ đi qua ruột non gần như nguyên vẹn, đến đại tràng.

👉 Tại đại tràng:

- Được lợi khuẩn đường ruột (như Bifidobacteria, Lactobacillus) lên men.
- Sinh ra SCFA (axit béo chuỗi ngắn: butyrate, acetate, propionate) và khí sinh học (H_2 , CO_2).

🎯 Tác dụng:

- SCFA là năng lượng cho tế bào ruột, giúp tái tạo niêm mạc.
- SCFA giúp giảm viêm, tăng miễn dịch, hấp thu khoáng chất (Ca, Mg, Zn...).



2. TÁC DỤNG INULIN VÀ FOS

2.2 Tăng sinh lợi khuẩn

→ Cân bằng hệ vi sinh đường ruột

Cả Inulin và FOS đều là prebiotic mạnh mẽ, không chứa vi khuẩn sống nhưng giúp:

- Lợi khuẩn sẽ tăng sinh mạnh mẽ, chiếm ưu thế trong hệ vi sinh vật ruột.
- Lấn át hại khuẩn, ổn định pH đại tràng, ức chế vi khuẩn gây thối, gây bệnh..

🎯 Tác dụng:

- Ổn định hệ vi sinh vật đường ruột: Mỗi người có khoảng 100.000 tỷ vi khuẩn đường ruột, trong đó lợi khuẩn càng nhiều thì khả năng tiêu hóa và miễn dịch càng tốt.
- Cải thiện chức năng tiêu hóa: tăng hoạt động nhu động ruột → chống táo bón.
- Tăng cường hệ miễn dịch đường ruột:
 - Thành ruột chứa đến 70% tế bào miễn dịch của cơ thể.
 - Khi hệ vi sinh ổn định → lợi khuẩn kích thích sản xuất IgA (kháng thể tại niêm mạc), giúp ngăn virus, vi khuẩn xâm nhập.
 - Đồng thời giảm các phản ứng viêm không cần thiết.



2. TÁC DỤNG INULIN VÀ FOS

2.3 Điều hòa đường huyết

→ Hỗ trợ chuyển hóa năng lượng

Mặc dù Inulin và FOS là chất xơ (không tiêu hóa, không cung cấp năng lượng trực tiếp), nhưng lại tác động gián tiếp rất mạnh mẽ lên quá trình chuyển hóa glucose nhờ hai cơ chế chính:

- Làm chậm hấp thu carbohydrate (chống tăng đường huyết sau ăn): Cả Inulin và FOS tạo thành gel nhớt nhẹ trong lòng ruột, giúp làm chậm quá trình tiêu hóa và hấp thu tinh bột, đường, nhờ đó đường huyết sau ăn không tăng vọt; giảm áp lực tiết insulin liên tục từ tuyến tụy; hạn chế tích mỡ (vì giảm đường dự trữ thành triglyceride).
- Tạo SCFA từ quá trình lên men → cải thiện chuyển hóa:
 - SCFA giúp giảm kháng insulin – nguyên nhân gốc rễ của tiểu đường type 2.
 - Tăng GLP-1 (hormone từ ruột giúp kích thích tiết insulin tự nhiên, giảm cảm giác thèm ăn)

🎯 Tác dụng gián tiếp:

- Kiểm soát đường huyết ở người tiền tiểu đường / tiểu đường type 2.
- Giảm nguy cơ rối loạn chuyển hóa, gan nhiễm mỡ, mỡ máu cao.



2. TÁC DỤNG INULIN VÀ FOS

2.4 Cải thiện hấp thu khoáng chất

→ **Đặc biệt là Canxi, Magiê**

Cả Inulin và FOS không chỉ là chất xơ đơn thuần, mà còn gián tiếp tăng khả năng hấp thu khoáng chất thông qua quá trình lên men tại đại tràng:

- Khi lợi khuẩn tiêu hóa Inulin/FOS, chúng tạo ra các axit béo chuỗi ngắn (SCFA) → Giảm pH (tăng độ acid nhẹ) ở ruột kết → Làm khoáng chất dễ hòa tan hơn
- Kích hoạt protein vận chuyển khoáng trong tế bào ruột.

🎯 Tác dụng rõ ràng cho:

- Trẻ em đang phát triển: gia tăng chiều cao, phát triển hệ xương răng chắc khỏe
- Phụ nữ tiền mãn kinh: Phòng ngừa loãng xương nhất là khi nội tiết tố thay đổi làm giảm khả năng giữ Canxi.
- Người lớn tuổi: hệ tiêu hóa yếu, giảm hấp thu khoáng → Inulin/FOS giúp bù lại sự suy giảm hấp thu tự nhiên theo tuổi..



2. TÁC DỤNG INULIN VÀ FOS

2.5 Tác động gián tiếp lên miễn dịch & thần kinh (Trục ruột – não)

👉 Cải thiện hệ vi sinh → Giảm viêm

- Nuôi lợi khuẩn, ức chế vi khuẩn xấu → giảm sản sinh LPS – độc tố gây viêm.
- Giảm viêm mạn tính cấp độ thấp – nền tảng của nhiều bệnh (béo phì, tiểu đường...).

👉 Tăng điều hòa miễn dịch

- Lợi khuẩn kích thích sản sinh cytokine có lợi (IL-10, TGF- β).
- Giúp cân bằng hệ miễn dịch, giảm nguy cơ dị ứng, viêm, rối loạn miễn dịch.

👉 SCFA tác động đến não

- Butyrate đi theo máu → ảnh hưởng đến hệ thần kinh: cải thiện tâm trạng, giảm stress, hỗ trợ giấc ngủ

🎯 Tác dụng:

- Giảm viêm, tăng miễn dịch.
- Cải thiện tâm trạng, giảm lo âu, ngủ ngon hơn.



3. KẾT HỢP INULIN VÀ FOS

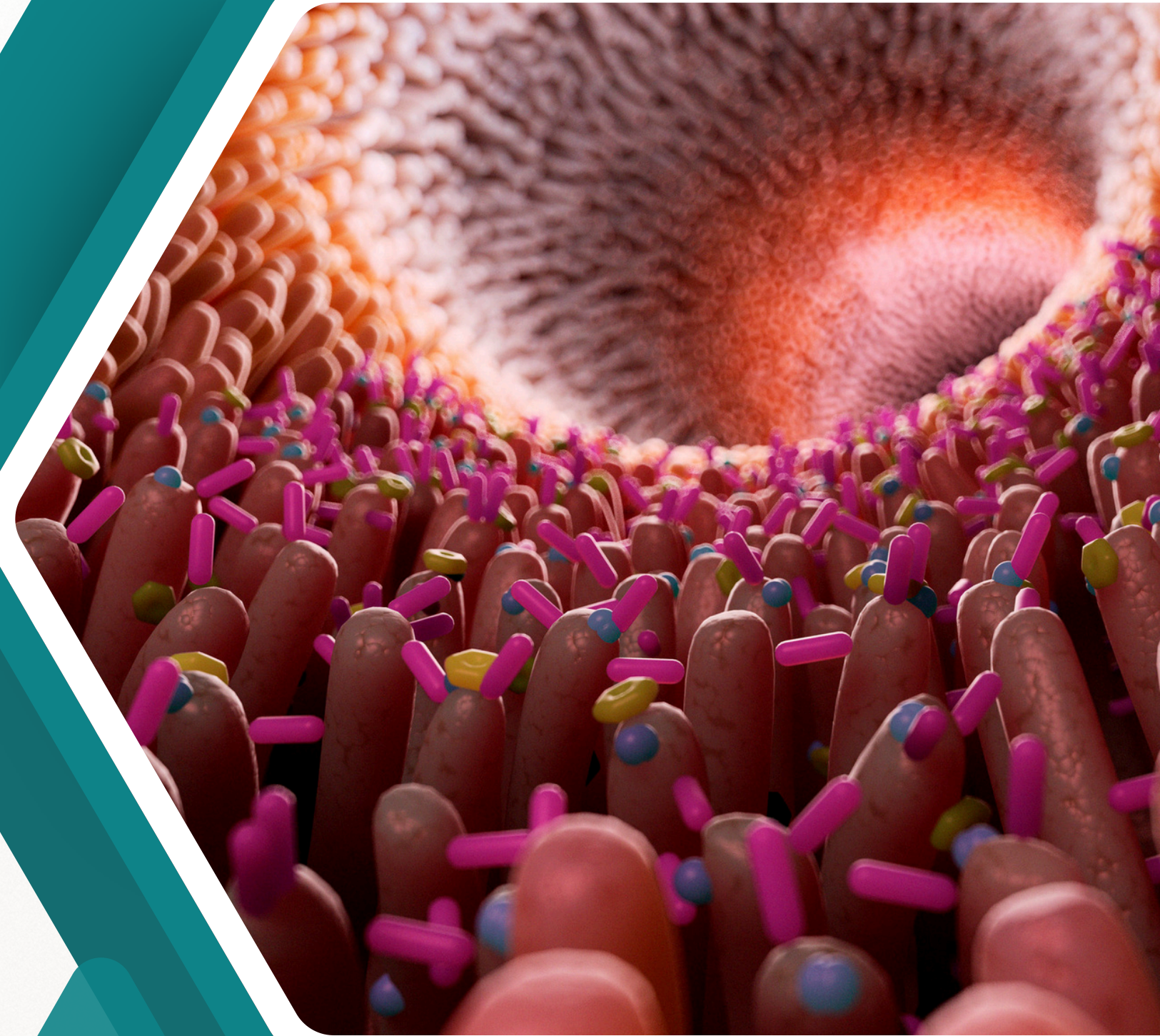
- Inulin giống như dưỡng chất lâu bền → duy trì hệ vi sinh khỏe mạnh, cân bằng tiêu hóa lâu dài.
- FOS giống như chất kích hoạt nhanh → tăng lợi khuẩn mạnh trong thời gian ngắn, cải thiện tiêu hóa nhanh chóng.

Vì vậy, kết hợp cả Inulin + FOS trong sản phẩm là tối ưu:

“FOS để tăng nhanh lợi khuẩn – Inulin để giữ chúng sống khỏe lâu dài.”

III.5 ENZYM TIÊU HÓA

(Amylase; Protease; Lipase;
Cellulase; Lactase)





1. Amylase

- Hỗ trợ tiêu hóa carbohydrate từ sớm, giúp giảm áp lực cho hệ tiêu hóa dưới.
- Tăng khả năng hấp thu năng lượng từ thực phẩm giàu tinh bột.

2. Protease

- Phân giải chất đạm thành acid amin – nguyên liệu xây dựng tế bào.
- Hỗ trợ hấp thu protein hiệu quả, giảm gánh nặng cho gan, thận trong việc xử lý protein thừa hoặc chuyển hóa không hoàn toàn.

3. Lipase

- Giúp cơ thể tiêu hóa chất béo và hấp thụ các vitamin tan trong dầu (A, D, E, K).
- Quan trọng trong việc kiểm soát cholesterol, hỗ trợ giảm mỡ thừa và cải thiện chức năng gan mật.

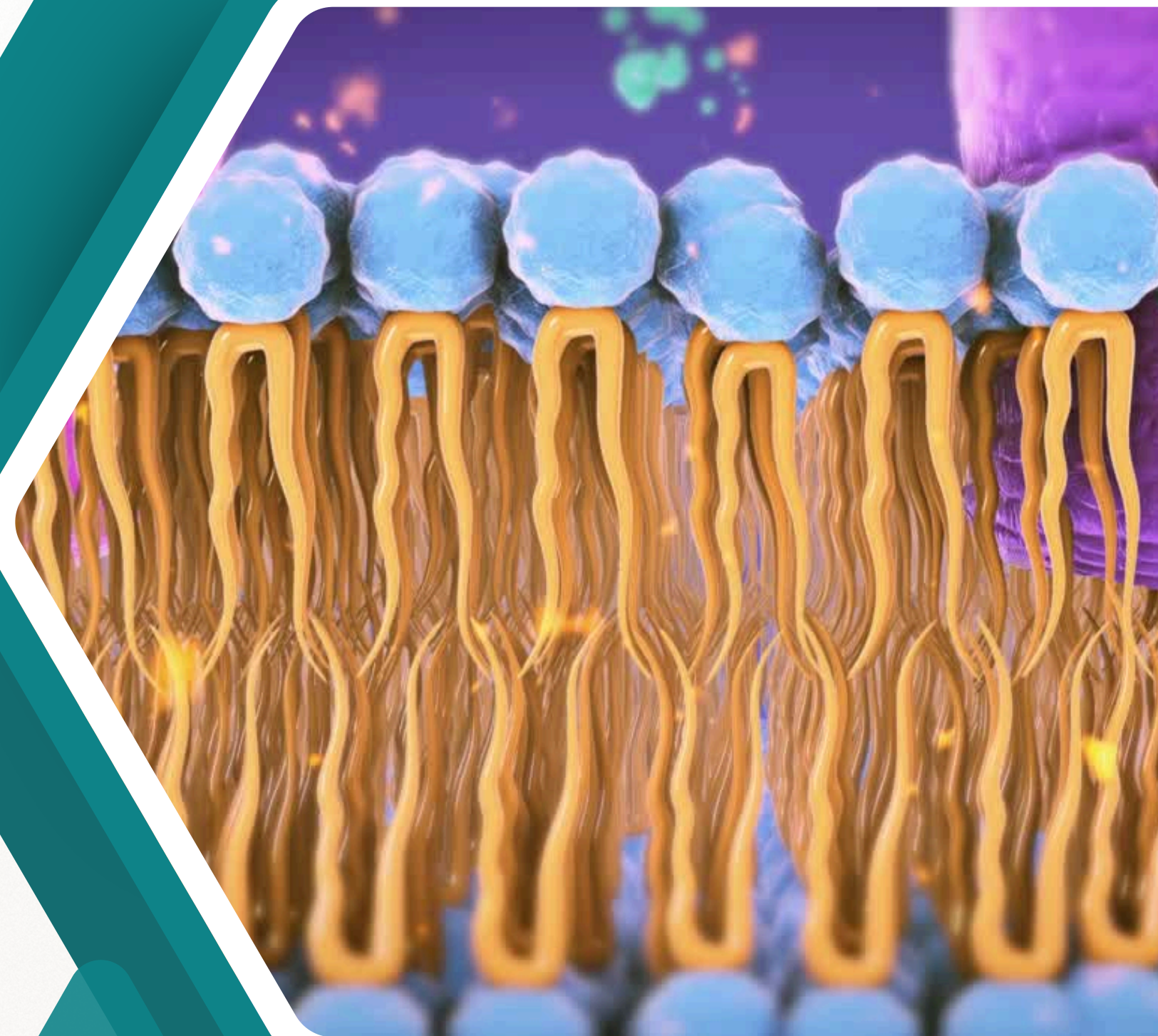
4. Cellulase

- Hỗ trợ tiêu hóa chất xơ thực vật khó phân giải, giảm tình trạng đầy bụng, táo bón.
- Cải thiện vi sinh đường ruột, giúp tăng cường hấp thu dinh dưỡng và thải độc.

5. Lactase

- Giúp cơ thể dung nạp sữa tốt hơn.
- Giảm triệu chứng đầy bụng, tiêu chảy do không dung nạp lactose.

IV. CHIẾT XUẤT VÁCH TẾ BÀO LỢI KHUẨN (Imnunecanmix)





1. Chiết xuất vách tế bào lợi khuẩn được tạo ra từ cấu trúc màng tế bào của vi khuẩn có lợi đã bất hoạt chứa các phân tử sinh học có hoạt tính cao giúp kích hoạt và điều hòa hệ miễn dịch một cách an toàn, ổn định, vượt trội hơn probiotic truyền thống nhờ khả năng bền vững với nhiệt độ, axit dạ dày và phù hợp cho cả người có hệ miễn dịch yếu.

2. Chiết xuất vách tế bào lợi khuẩn là bước tiến vượt trội trong công nghệ hậu sinh học, cho phép chúng ta sử dụng "trí tuệ miễn dịch" của vi khuẩn một cách an toàn, ổn định và hiệu quả hơn probiotic truyền thống. Nó đang trở thành thành phần chiến lược trong các sản phẩm chăm sóc sức khỏe hiện đại. Với khả năng điều hòa miễn dịch tự nhiên, bền vững, an toàn và hiệu quả, đây là thành tựu vượt trội nối tiếp từ men vi sinh (probiotic) sang hậu sinh học (postbiotic) – đánh dấu bước tiến trong kỷ nguyên cá nhân hóa miễn dịch và chăm sóc hệ vi sinh toàn diện.

3. TÁC DỤNG NỔI BẬT

3.1 Tăng cường miễn dịch – có chọn lọc

- Kích hoạt đại thực bào và bạch cầu.
 - Tăng cytokine có lợi: IL-10 (kháng viêm), IFN- γ (kháng virus).
 - Tăng IgA tiết – bảo vệ niêm mạc hô hấp, tiêu hóa, sinh dục.
 - Cân bằng miễn dịch (TH1/TH2) – giảm dị ứng, quá mẫn.
- ✓ Hỗ trợ người hay ốm, trẻ nhỏ, người lớn tuổi, sau kháng sinh – hóa trị.

3.2 Chống viêm tự nhiên

- Giảm các chất gây viêm: TNF- α , IL-6, IL-1 β .
 - Giúp kiểm soát viêm ở da, ruột, hô hấp, khớp.
- ✓ Hỗ trợ điều trị: viêm da cơ địa, dị ứng, viêm ruột, IBS, Crohn's...

3.3 Bảo vệ hàng rào ruột – ổn định tiêu hóa

- Tăng liên kết tế bào ruột, bảo vệ niêm mạc.
 - Ngăn “ruột rò rỉ” – nguyên nhân của viêm mạn, tự miễn.
- ✓ Giúp tiêu hóa khỏe, giảm rối loạn ruột, hỗ trợ bệnh tự miễn liên quan đến ruột.

3.4 Tác động toàn thân – trục ruột-miễn dịch-thần kinh

- Ảnh hưởng tích cực đến não, da, gan thông qua hệ trục ruột.
 - Giảm stress, cải thiện giấc ngủ, da liễu, hỗ trợ chuyển hóa.
- ✓ hỗ trợ điều trị: stress nhẹ, mất ngủ, da nhạy cảm, mụn do viêm.

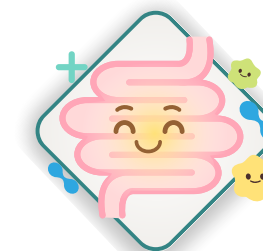
Làm sạch - Hấp thu - Nuôi dưỡng - Tăng miễn dịch



Enzyme tiêu hóa → Hấp thu
dinh dưỡng tốt hơn



Chất xơ FOS/Inulin
→ Nuôi lợi khuẩn



Chiết xuất lợi khuẩn vách tế bào
→ Tăng miễn dịch ruột



Diệp lục tố → Thải độc – Kiểm hóa –
Kháng viêm

NHỮNG TÁC ĐỘNG CHÍNH CỦA DIỆP LỤC TỐ VN360



3.1

Thải độc & chống viêm

Bột diệp lục làm sạch gan – ruột – máu, chống gốc tự do

3.2

Cân bằng hệ vi sinh

FOS/Inulin nuôi lợi khuẩn, Immunecanmix tái lập hàng rào miễn dịch

3.3

Tăng cường hấp thu

Enzyme hỗ trợ tiêu hoá triệt để, hấp thu vi chất hiệu quả hơn

3.4

Cải thiện miễn dịch – nội tiết

Tăng sức đề kháng, đặc biệt cho người bệnh mạn tính, u bướu

3.5

Cân bằng nội môi

Kiểm hóa môi trường tế bào, làm nền cho sức khỏe toàn diện



DIỆP LỤC TỐ VN360 HỖ TRỢ CÁC BỆNH LÝ

1 Các bệnh về hệ tiêu hóa

- Táo bón mạn tính, rối loạn đại tiện, phân cứng, khô, không đều.
- Viêm đại tràng, hội chứng ruột kích thích (IBS).
- Đầy hơi, chướng bụng, khó tiêu, đặc biệt sau ăn dầu mỡ, đạm động vật.
- Loạn khuẩn đường ruột (sau kháng sinh, ăn uống thất thường).
- Trào ngược dạ dày – thực quản, nhờ cân bằng men tiêu hóa và giảm đầy hơi.

2 Các bệnh lý về gan & nhiễm độc gan

- Men gan cao, gan nhiễm mỡ (giai đoạn nhẹ đến vừa).
- Ngứa, nổi mề đay, mẩn do gan yếu.
- Hỗ trợ người đang dùng thuốc điều trị dài ngày, uống rượu, hút thuốc – giúp gan thải độc.

3 Bệnh lý chuyển hóa

- Tiểu đường type 2; tiền tiểu đường: hỗ trợ ổn định đường huyết, giảm đề kháng insulin.
- Mỡ máu cao, gan nhiễm mỡ, rối loạn lipid máu.
- Tăng axit uric máu, hỗ trợ đào thải axit thừa, giảm gánh nặng cho gan – thận.

4 Bệnh lý miễn dịch – viêm mãn tính

- Viêm da cơ địa, vảy nến, dị ứng do mất cân bằng miễn dịch.
- Viêm khớp dạng thấp, viêm mạn tính nhẹ do rối loạn chuyển hóa.
- Hỗ trợ người hay nhiễm trùng tái đi tái lại (đường ruột, hô hấp, tiết niệu).



DIỆP LỤC TỐ VN360 HỖ TRỢ CÁC BỆNH LÝ

5 Bệnh lý da liễu – nội tiết

- Mụn trứng cá, mụn nội tiết, da sạm, xỉn màu do nóng gan, viêm hệ ruột.
- Rối loạn nội tiết tố nữ, kinh nguyệt không đều (hỗ trợ gián tiếp qua gan & ruột).
- Viêm nang lông, mùi cơ thể, hôi miệng – do độc tố tích tụ từ hệ tiêu hóa.

6 Các rối loạn do hệ vi sinh mất cân bằng

- Nấm candida đường ruột, vi khuẩn có hại phát triển quá mức.
- Tiêu chảy do loạn khuẩn, hoặc do ăn uống lạ/ô nhiễm.
- Hỗ trợ trong điều trị Helicobacter pylori (HP)

7 Các rối loạn thần kinh – tâm thần nhẹ

- Lo âu, mất ngủ, trầm cảm nhẹ – nhờ trục ruột – não được cải thiện.
- Thiếu năng lượng, mệt mỏi mãn tính, kém tập trung.

8 Các bệnh do lối sống hiện đại

- Hội chứng chuyển hóa, béo bụng, tăng cân không kiểm soát.
- Người ít vận động, ăn ít rau, nhiều đạm – mỡ – đồ chế biến sẵn.
- Hỗ trợ người làm việc trí óc căng thẳng, stress kéo dài.



ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

- Người có bệnh mãn tính (gan, dạ dày, đại tràng, tiểu đường)
- Người có vấn đề tiêu hoá, đầy hơi, phân không đều
- Người ăn chay, ăn ít đạm động vật
- Người lớn tuổi, người có hệ miễn dịch yếu
- Người cần hồi phục sau stress, hóa trị, suy nhược
- Người táo bón, tiêu hóa kém
- Người có vấn đề gan, mụn, nóng trong
- Người ăn uống thiếu rau, kiềm kém
- Người cần tăng miễn dịch
- Người tiểu đường, mỡ máu cao
- Người stress, mất ngủ
- Trẻ em lớn chậm, kém hấp thu
- Người bị rối loạn nội tiết (mụn nội tiết, da xỉn màu, kinh nguyệt không đều)
- Người hay uống thuốc, dùng kháng sinh dài ngày
- Người cần kiểm soát cân nặng / đang ăn kiêng
- Người bị trĩ, đau rát hậu môn, đi cầu ra máu nhẹ

SỰ KẾT HỢP 10 ĐIỂM KHÔNG CÓ NHƯNG



